

Bản án số: 385/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 04/8/2020.  
V/v: “ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Như Nhiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Thu Hương.
2. Bà Tiêu Kim Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Từ ngày 28 tháng 7 năm 2020 đến ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, về việc: “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đàm Trần Thị Minh C, sinh năm 1978 (đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 254/19 đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 254/19 đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Năm 2008, bà Đàm Trần Thị Minh C và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông, bà có hai con chung là Nguyễn Minh P (nam), sinh ngày 15/12/2007 và Nguyễn Ngọc M (nữ), sinh ngày 30/4/2009.

Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm, lối sống, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được. Hiện nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông L không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

#### **1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

[1] Tranh chấp giữa bà Đàm Trần Thị Minh C và ông Nguyễn Văn L là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về ly hôn”. Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **1.2. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:**

[2] Xét thấy nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đàm Trần Thị Minh C.

[3] Xét thấy Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn L.

### **2. Về nội dung tranh chấp:**

#### **2.1. Về quan hệ hôn nhân:**

[4] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01, ngày 09/01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đàm Trần Thị Minh C và ông Nguyễn Văn L, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông L là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, nên

Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án để xem xét, giải quyết vụ án.

[6] Căn cứ trình bày của nguyên đơn cho thấy, hiện nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Phía ông L không đến Tòa để hòa giải, cho thấy ông không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là tự nguyện. Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy tình yêu thương, sự quan tâm, tôn trọng và trách nhiệm giữa đôi bên với nhau trong quan hệ giữa vợ chồng không còn, nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn.

## 2.2. Về con chung:

[7] Căn cứ Giấy khai sinh số 236, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2007 và Giấy khai sinh số 78, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/5/2009, có cơ sở xác định Nguyễn Minh P (nam), sinh ngày 15/12/2007 và Nguyễn Ngọc M (nữ), sinh ngày 30/4/2009 là con chung của bà Đàm Trần Thị Minh C và ông Nguyễn Văn L.

[8] Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, phía ông L không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Xét thấy các con đang được bà C nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử tạm giao hai con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

[9] Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có thể thỏa thuận về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Căn cứ vào các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[11] Về tài sản chung: Bà Đàm Trần Thị Minh C xác định vợ chồng không có tài sản chung. Ông Nguyễn Văn L vắng mặt không có ý kiến về vấn đề tài sản chung. Do vậy, Tòa không xem xét, giải quyết phần tài sản chung.

[12] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đàm Trần Thị Minh C xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

## 2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[13] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay

không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, nên bà C phải chịu án phí là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 2; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Trần Thị Minh C được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Tạm giao trẻ Nguyễn Minh P (nam), sinh ngày 15/12/2007 và Nguyễn Ngọc M (nữ), sinh ngày 30/4/2009 cho bà Đàm Trần Thị Minh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Bà Đàm Trần Thị Minh C chịu, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0014365 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đàm Trần Thị Minh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND Phường B, Quận D;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Như Nhiên**